

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Cao T, sinh năm 1975. Nơi thường trú: Thôn N, xã K, thành phố Huế. Căn cước công dân số 046075001XXX, cấp ngày 13/4/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an.

- Bà Nguyễn Thị Tám, sinh năm 1971. Nơi thường trú: Thôn N, xã K, thành phố Huế. Căn cước công dân số 046171001XXX, cấp ngày 13/4/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao T và bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã K, thành phố Huế) vào ngày 05 tháng 5 năm 2005 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 14). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, ông Tất và bà Tám thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Xét thấy, ông Tất và bà Tám tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Cao T và bà Nguyễn Thị T.

[2] Về con chung: Ông Cao T và bà Nguyễn Thị T có 02 người con chung là Cao Thị Kim N và Cao Thị Kim H cùng sinh ngày: 29/01/2005. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Ông Cao T và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Cao T và bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Ông Cao T và bà Nguyễn Thị T có 02 người con chung là Cao Thị Kim N và Cao Thị Kim H cùng sinh ngày: 29/01/2005. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Ông Cao T và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Cao T phải chịu 150.000 đồng và bà Nguyễn Thị T phải chịu 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000129 và 0000130, ngày 21/8/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú